

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Duy Báu	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Đình	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Đình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ông Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0030-2013-001-1

Lã Toàn Thắng

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0771-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Hà Nội, C/IXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		623.090.143.328	608.793.125.216
I. Tiền	110	5	4.824.656.196	6.855.867.630
1. Tiền	111		4.824.656.196	6.855.867.630
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		393.416.992.325	300.358.615.295
1. Phải thu khách hàng	131	6	355.940.909.268	248.351.490.570
2. Trả trước cho người bán	132	7	18.776.599.684	11.275.263.585
3. Phải thu nội bộ	133		-	15.161.062.269
4. Các khoản phải thu khác	135	8	31.286.029.649	37.536.340.272
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.586.546.276)	(11.965.541.401)
III. Hàng tồn kho	140	9	222.773.268.734	300.457.748.540
1. Hàng tồn kho	141		223.195.979.811	300.880.459.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(422.711.077)	(422.711.077)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.075.226.073	1.120.893.751
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		218.196.957	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.857.029.116	1.120.893.751
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		31.202.509.842	44.433.007.878
I. Tài sản cố định	220		28.371.046.085	37.214.016.992
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	28.371.046.085	35.980.182.091
- Nguyên giá	222		90.166.904.990	94.759.734.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.795.858.905)	(58.779.552.284)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.233.834.901
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	3.591.340.115
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	3.591.340.115
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.831.463.757	3.627.650.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.831.463.757	3.627.650.771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		654.292.653.170	653.226.133.094

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		563.486.170.317	557.683.636.741
I. Nợ ngắn hạn	310		558.650.346.708	547.661.384.560
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	344.105.664.605	342.363.176.627
2. Phải trả người bán	312	12	79.768.384.674	70.406.055.907
3. Người mua trả tiền trước	313	13	51.705.231.917	31.441.165.855
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	22.938.970.740	12.060.249.774
5. Phải trả người lao động	315		10.412.598.400	3.781.896.400
6. Chi phí phải trả	316	15	12.890.562.461	23.476.914.532
7. Phải trả nội bộ	317		-	8.044.797.747
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	34.447.802.281	53.512.901.724
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.381.131.630	2.574.225.994
II. Nợ dài hạn	330		4.835.823.609	10.022.252.181
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	3.926.732.700	9.113.161.272
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		909.090.909	909.090.909
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		90.806.482.853	95.542.496.353
I. Vốn chủ sở hữu	410		90.806.482.853	95.542.496.353
1. Vốn điều lệ	411	18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	18	6.092.053.115	5.397.093.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	17.730.177.284	15.934.233.993
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	1.942.262.875	2.804.781.886
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	5.213.989.579	11.578.387.359
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		654.292.653.170	653.226.133.094

fanb

Trần Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

N

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

bc

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	412.291.997.804	624.956.846.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		412.291.997.804	624.956.846.632
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	367.447.605.108	566.539.046.480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		44.844.392.696	58.417.800.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.769.390.863	1.029.467.167
7. Chi phí tài chính	22		34.088.214.038	35.919.433.212
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.088.214.038	35.919.433.212
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.588.141.912	14.660.370.441
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(62.572.391)	8.867.463.666
10. Thu nhập khác	31		3.628.459.450	2.045.461.332
11. Chi phí khác	32		200.659.279	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	3.427.800.171	2.045.461.332
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.365.227.780	10.912.924.998
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	881.466.652	2.064.766.090
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.483.761.128	8.848.158.908
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		497	1.770


Trần Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 03 tháng 3 năm 2014


Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng


Ngô Hải An
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.365.227.780	10.912.924.998
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.839.188.845	8.329.735.506
Các khoản dự phòng	03	621.004.875	1.727.416.848
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.700.127.024)	(1.079.467.167)
Chi phí lãi vay	06	34.088.214.038	35.919.433.212
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.213.508.514	55.810.043.397
Thay đổi các khoản phải thu	09	(93.978.572.007)	(88.127.500.460)
Thay đổi hàng tồn kho	10	77.684.479.806	98.618.961.594
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.351.555.440	(138.847.592.699)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.414.830.336	1.940.090.083
Tiền lãi vay đã trả	13	(34.084.520.443)	(35.301.592.212)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.926.483.174)	(1.236.458.844)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	815.351.800	3.090.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.431.331.154)	(3.335.126.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.058.819.118	(107.389.175.539)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(852.960.000)	(1.341.336.936)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	935.000.000	50.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.100.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	260.730.978	1.029.467.167
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.442.770.978	(261.869.769)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	259.943.054.331	429.244.583.454
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(263.617.709.211)	(345.288.025.521)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(5.858.146.650)	(6.020.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.532.801.530)	77.936.557.933
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.031.211.434)	(29.714.487.375)
Tiền tồn đầu năm	60	6.855.867.630	36.570.355.005
Tiền tồn cuối năm	70	4.824.656.196	6.855.867.630

Trần Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 3 tháng 3 năm 2014

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởngHải An
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam với tỷ lệ sở hữu vốn là 51%. Ngày 09 tháng 7 năm 2013, Công ty đã chuyển giao toàn bộ 510.000 cổ phần do Công ty nắm giữ tại công ty con này, theo đó, kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2013, Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam không còn là công ty con của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 448 (31 tháng 12 năm 2012: 631).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính cần đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin hơn về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty. Báo cáo tài chính riêng này được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dân giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	371.549.798	94.546.491
Tiền gửi ngân hàng	4.453.106.398	6.761.321.139
	4.824.656.196	6.855.867.630

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	198.252.733.170	150.020.707.548
Phải thu các đối tượng khác	157.688.176.098	98.330.783.022
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn</i>	23.586.297.313	15.384.577.059
<i>Công ty TNHH MTV Than Hạ Long</i>	947.262.993	9.397.759.844
<i>Nhà máy Giấy Bãi Bằng</i>	4.879.955.742	4.879.955.742
<i>Công ty Cổ phần Điện VIETRACIMEX Lào Cai</i>	27.096.763.053	14.754.929.971
<i>Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng</i>	9.773.818.207	3.596.603.207
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bim Sơn</i>	-	3.391.476.826
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Tây</i>	11.324.357.000	8.490.200.000
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Constrexim</i>	31.228.091.633	14.798.190.017
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam</i>	12.521.752.485	5.571.357.785
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma</i>	10.756.566.515	2.899.015.357
<i>Tập đoàn Viettel</i>	1.418.397.615	-
<i>Công ty Thủy điện Miền Bắc 2</i>	10.421.336.986	-
<i>Các đối tượng khác</i>	13.733.576.556	15.166.717.214
	355.940.909.268	248.351.490.570

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các đối tượng khác	18.776.599.684	11.275.263.585
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Phú Quý</i>	-	1.206.266.820
<i>Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long tại TP HCM</i>	949.959.978	1.248.535.200
<i>Công ty TNHH Sunwood Vina</i>	1.436.914.487	1.591.300.000
<i>Công ty Cổ phần Tháp Đôi</i>	-	2.046.367.000
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam</i>	6.035.419.154	-
<i>Công ty TNHH Tập Đoàn thang máy Thiết bị Thăng Long</i>	2.045.309.600	-
<i>Công ty Cổ phần ANT Toàn Cầu</i>	1.551.000.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	6.757.996.465	5.182.794.565
	18.776.599.684	11.275.263.585

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ứng trước cho các đội xây dựng	30.571.881.956	32.360.744.677
Phải thu khác	714.147.693	5.175.595.595
	31.286.029.649	37.536.340.272

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.749.211.597	4.017.537.704
Công cụ, dụng cụ	1.029.238.142	1.054.411.555
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	219.417.530.072	295.808.510.358
	223.195.979.811	300.880.459.617
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(422.711.077)	(422.711.077)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	222.773.268.734	300.457.748.540

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	11.426.967.553	45.249.310.615	13.870.860.230	24.212.595.977	94.759.734.375
Mua trong năm	-	96.000.000	694.960.000	62.000.000	852.960.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.620.865.190)	(1.039.745.736)	(1.265.559.132)	(3.926.170.058)
Giảm khác (*)	-	(1.065.257.828)	(25.126.364)	(429.235.135)	(1.519.619.327)
Tại ngày 31/12/2013	11.426.967.553	42.659.187.597	13.500.948.130	22.579.801.710	90.166.904.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	4.612.242.227	31.262.135.516	11.645.031.878	11.260.142.663	58.779.552.284
Trích khấu hao trong năm	270.876.671	4.322.005.617	1.147.585.585	2.098.720.972	7.839.188.845
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.616.601.351)	(1.039.745.736)	(1.265.559.132)	(3.921.906.219)
Giảm khác (*)	-	(617.885.399)	(16.006.426)	(267.084.180)	(900.976.005)
Tại ngày 31/12/2013	4.883.118.898	33.349.654.383	11.736.865.301	11.826.220.323	61.795.858.905
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	6.543.848.655	9.309.533.214	1.764.082.829	10.753.581.387	28.371.046.085
Tại ngày 31/12/2012	6.814.725.326	13.987.175.099	2.225.828.352	12.952.453.314	35.980.182.091

(*) Phân ánh việc ghi giảm và phân loại lại các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.479.378.127 đồng (năm 2012: 24.420.712.194 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 25.153.840.711 đồng (năm 2012: 30.018.765.003 đồng) để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	338.688.521.747	335.854.965.199
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	5.417.142.858	6.508.211.428
	344.105.664.605	342.363.176.627

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 10,75%/năm đến 12%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	242.866.849.215	207.158.173.890
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn	63.331.969.309	103.368.075.573
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	32.489.703.223	25.328.715.736
	338.688.521.747	335.854.965.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	23.225.856.860	32.601.400.006
Phải trả các đối tượng khác	56.542.527.814	37.804.655.901
Công ty Cổ phần ANT Toàn Cầu	3.754.879.947	3.915.619.775
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp	2.401.402.900	6.001.402.900
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	19.040.017.909	-
Công ty Cổ phần CIEC Toàn cầu	1.679.625.301	-
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	5.611.381.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trung Anh	2.791.290.170	-
Công ty TNHH Thương mại Trà My	1.026.645.000	858.520.000
Công ty TNHH ENEX Vina	612.546.465	261.800.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Nam Bình	1.273.688.559	202.322.939
Các đối tượng khác	18.351.050.563	26.564.990.287
	79.768.384.674	70.406.055.907

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nhận ứng trước từ các bên liên quan	24.543.376.529	12.073.168.654
Nhận ứng trước từ các đối tượng khác	27.161.855.388	19.367.997.201
Văn phòng kết hợp Khách sạn số 47 Quân Thánh	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐT và PT đô thị Thăng Long	3.262.443.000	3.262.443.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	2.157.465.664	2.157.465.664
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	17.085.657.200	5.740.000.000
Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm và Hỗ trợ ngành ong	3.499.751.400	3.499.751.400
Các đối tượng khác	1.156.538.124	2.708.337.137
	51.705.231.917	31.441.165.855

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.915.863.809	9.909.833.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.826.819.565
Thuế thu nhập cá nhân	725.438.776	323.596.486
Thuế nhà đất	297.668.155	-
	22.938.970.740	12.060.249.774

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình	12.081.027.866	21.880.501.837
Trích trước chi phí lãi vay	621.534.595	617.841.000
Trích trước khác	188.000.000	71.200.000
Hàng hóa, dịch vụ mua về chưa có hóa đơn	-	907.371.695
	12.890.562.461	23.476.914.532

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	3.012.179.229	4.618.042.626
Phải trả các đội xây dựng	27.218.580.659	45.525.397.607
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.217.042.393	3.369.461.491
	34.447.802.281	53.512.901.724

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	9.343.875.558	14.701.732.700
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	-	919.640.000
	9.343.875.558	15.621.372.700

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn theo hợp đồng vay dài hạn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cầu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 11%/năm đến 11,5%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.417.142.858	6.508.211.428
Trong năm thứ hai	3.348.177.700	5.417.142.858
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	578.555.000	3.696.018.414
	9.343.875.558	15.621.372.700
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	5.417.142.858	6.508.211.428
Số phải trả sau 12 tháng	3.926.732.700	9.113.161.272

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong Vốn Chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	16.051.931.993	2.804.781.886	11.088.160.825
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.848.158.908
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.298.432.374)
Chi quỹ	-	-	-	(117.698.000)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(59.500.000)
Số dư tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	15.934.233.993	2.804.781.886	11.578.387.359
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.483.761.128
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	694.960.000	(694.960.000)	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	2.501.303.291	384.815.890	(2.886.119.181)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	(10.400.000)	(1.247.334.901)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(962.039.727)
Số dư tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000	9.828.000.000	6.092.053.115	17.730.177.284	1.942.262.875	5.213.989.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 5.000.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức và trích các quỹ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 3 năm 2013 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức:	5.000.000.000 đồng;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển:	2.501.303.291 đồng;
- Trích Quỹ dự phòng tài chính:	384.815.890 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi:	962.039.727 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2013		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền
		%	VND		%	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51%	25.500.000.000	2.550.000	51%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49%	24.500.000.000	2.450.000	49%	24.500.000.000
	5.000.000	100%	50.000.000.000	5.000.000	100%	50.000.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và hoạt động khác, trong đó hoạt động khác là cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động xây lắp. Doanh thu hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ (khoảng 4% tổng doanh thu của Công ty). Thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp. Theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	394.848.467.333	588.723.977.686
Doanh thu khác	17.443.530.471	36.232.868.946
	412.291.997.804	624.956.846.632

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	353.099.586.498	531.751.470.362
Giá vốn khác	14.348.018.610	34.787.576.118
	367.447.605.108	566.539.046.480

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	133.230.978	366.467.167
Cổ tức, lợi nhuận được chia	127.500.000	663.000.000
Lãi thanh lý Công ty con	1.508.659.885	-
	1.769.390.863	1.029.467.167

23. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	935.000.000	50.000.000
Thu từ thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	2.161.453.354	68.000.000
Khác	532.006.096	1.927.461.332
Thu nhập khác	3.628.459.450	2.045.461.332
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	4.263.839	-
Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thanh lý	51.974.321	-
Khác	144.421.119	-
Chi phí khác	200.659.279	-
Lợi nhuận khác	3.427.800.171	2.045.461.332

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.365.227.780	10.912.924.998
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(127.500.000)	(663.000.000)
Trừ: Chi phí điều chỉnh theo thanh tra thuế 2012	(529.896.317)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	144.413.119	-
Thu nhập chịu thuế	2.852.244.582	10.249.924.998
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	713.061.146	2.562.481.248
Điều chỉnh khác (*)	168.405.506	(497.715.158)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	881.466.652	2.064.766.090

(*) Khoản điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 theo biên bản của đoàn kiểm tra thuế tỉnh Thanh Hóa bao gồm khoản giảm thuế do phân bổ lại lãi của hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội và khoản điều chỉnh tăng thuế do tăng lợi nhuận khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.239.290.774	313.214.194.381
Chi phí nhân công	107.926.991.413	126.228.369.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.839.188.845	8.329.735.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.995.963.619	20.501.728.350
Chi phí khác bằng tiền	21.022.327.208	14.674.664.459
Các khoản dự phòng	621.004.875	2.477.927.721
	303.644.766.734	485.426.619.802

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 17, trừ số dư tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	348.032.397.305	351.476.337.899
Trừ: Tiền	4.824.656.196	6.855.867.630
Nợ thuần	343.207.741.109	344.620.470.269
Vốn chủ sở hữu	90.806.482.853	95.542.496.353
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	3,78	3,61

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	4.824.656.196	6.855.867.630
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	374.640.392.641	289.083.351.710
Tài sản tài chính khác	1.375.695.263	938.750.000
Tổng cộng	380.840.744.100	296.877.969.340
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	348.032.397.305	351.476.337.899
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	111.204.007.726	127.345.712.752
Chi phí phải trả	12.890.562.461	23.476.914.532
Tổng cộng	472.126.967.492	502.298.965.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Công ty đánh giá rằng chi phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn các rủi ro tiềm ẩn do thay đổi về lãi suất và giá của các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng hoặc giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 sẽ giảm hoặc tăng 6.960.647.946 đồng (năm 2012: 7.029.526.758 đồng).

	Tăng/ Giảm số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(6.960.647.946)
VND	-200	6.960.647.946
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(7.029.526.758)
VND	-200	7.029.526.758

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một số khoản phải thu khó đòi của một số khách hàng với số dư là 18.352.028.152 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 17.065.915.000 đồng). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 12.586.546.276 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 11.965.541.401 đồng). Ngoài các khoản phải thu khó đòi nêu trên, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác khác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
31/12/2013	VND	VND	VND
Tiền	4.824.656.196	-	4.824.656.196
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	374.640.392.641	-	374.640.392.641
Tài sản tài chính khác	1.375.695.263	-	1.375.695.263
	380.840.744.100	-	380.840.744.100
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
31/12/2013	VND	VND	VND
Các khoản vay	344.105.664.605	3.926.732.700	348.032.397.305
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	111.204.007.726	-	111.204.007.726
Chi phí phải trả	12.890.562.461	-	12.890.562.461
	468.200.234.792	3.926.732.700	472.126.967.492
Chênh lệch thanh khoản thuần	(87.359.490.692)	(3.926.732.700)	(91.286.223.392)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền	6.855.867.630	-	6.855.867.630
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	289.083.351.710	-	289.083.351.710
Tài sản tài chính khác	938.750.000	-	938.750.000
	296.877.969.340	-	296.877.969.340
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Các khoản vay	342.363.176.627	9.113.161.272	351.476.337.899
Phải trả người bán và phải trả khác	127.345.712.752	-	127.345.712.752
Chi phí phải trả	23.476.914.532	-	23.476.914.532
	493.185.803.911	9.113.161.272	502.298.965.183
Chênh lệch thanh khoản thuần	(196.307.834.571)	(9.113.161.272)	(205.420.995.843)

Ban Giám đốc đánh giá có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
BQL Dự án Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	Ban quản lý thuộc Công ty mẹ
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	Ban điều hành thuộc Công ty mẹ
BĐH Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM	Ban điều hành thuộc Công ty mẹ
BĐH thi công giai đoạn 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	Ban điều hành thuộc Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 1	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 2	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây Vinaconex 6	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 9	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 11	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 12	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 15	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Vinaconex 25	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Vimeco	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP ĐT và PT Du lịch Vinaconex	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư PT Nhà và Đô thị Vinaconex	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP DTXD và PT Năng lượng Vinaconex	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Doanh thu bán hàng	2013 VND	2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	10.076.254.402	120.809.301.259
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	60.306.026.426	11.438.631.858
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	50.458.093.779	40.343.269.250
BQL Dự án mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	12.222.523.868	-
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	16.611.838.636	15.367.049.090
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	58.919.339.197	39.072.635.858
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Vinaconex 2	4.638.578.285	858.986.975
Công ty Cổ phần Vimeco	8.108.729.255	67.989.833.826
BĐH thi công Giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh	5.036.397.599	5.913.080.824
Công ty Cổ phần xây dựng số 12	18.181.818	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 15	84.688.935	-

Mua hàng trong năm	2013 VND	2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	400.720.201
Công ty Cổ phần Đầu tư PT nhà và đô thị Vinaconex	-	29.869.097.528
Công ty Cổ phần phát triển Thương mại Vinaconex	6.753.001.320	9.639.969.596
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-	2.431.885.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	99.544.367	38.531.264
Công ty Cổ phần Vimeco	7.276.474.185	61.051.978.662
Công ty Cổ phần xây dựng số 11	306.900.000	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	468.600.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 12	10.416.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	2.367.960.096	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT du lịch Vinaconex	748.000.000	-

Số dư với các bên liên quan:

Phải thu khách hàng	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	7.561.821.250	19.002.943.072
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	20.390.660.886	1.385.750.946
BĐH Thi công GD 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	1.759.207.367	400.920.188
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	6.554.665.674	1.454.466.478
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	79.904.828	857.974.828
Công ty Cổ phần ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	24.523.159.849	23.345.020.919
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	14.793.917.764	18.024.875.381
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54.429.028.099	23.571.125.084
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	33.655.932.490	47.613.337.811
Công ty Cổ phần Phát triển Thương Mại Vinaconex	33.589.665.135	10.875.920.487
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	51.424.000	51.424.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	93.157.828	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	750.188.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần DT và PT nhà đô thị Vinaconex	40.196.820	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	67.708.000	57.292.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	995.944.077	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	-	9.631.583.596
Công ty Cổ phần Vimeco	20.662.635.289	20.872.580.459
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	707.232.243	607.687.876
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	656.515.800	187.915.800
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-	929.450.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	82.500.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	13.124.631	13.124.631
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Người mua trả trước		
BĐH Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	1.817.607.261	1.817.607.261
Ban QLDA mở rộng đường Láng Hòa Lạc	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	1.688.462.900	2.113.089.380
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	4.325.406.851	6.789.195.574
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	16.595.003.393	353.276.439
Công ty Cổ phần ĐTXD và Phát triển Năng lượng Vinaconex	116.896.124	-
Thu nhập của Ban Giám đốc:	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập Ban Giám đốc	924.688.000	1.219.315.900

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Trần Thị Kim Oanh
Người lập biểuMai Văn Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014